| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ HẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hphúc** |

Bản án số: 266/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 5 - 2021
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ HẢI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Hiếu Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân*:

- Ông Lưu Bình Minh

- Bà Quách Thị Bích Ngà

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngân

***Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên toà***: Bà Trương Võ Thùy Dương

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 (số 172 Ông Ích Khiêm, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Hải) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 519/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" (không công nhận quan hệ vợ chồng) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Bà P T H, sinh năm 1968; địa chỉ: 127/48/8 đường A , Phường A, Quận A, Thành phố A, có đơn xin vắng mặt

*2. Bị đơn:* Ông L V H1, sinh năm 1969; địa chỉ: 32/36/26 đường B, Phường A, Quận A, Thành phố A, có đơn xin vắng mặt.

## NỘI DVỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2020, tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà P T H trình bày:**

Bà P T Hvà ông L V H1 quen biết nhau năm 1989 đến năm 1990 hai bên có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau nhưng không đăng ký kết hôn từ đó cho đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về cuộc sống, không hợp nhau về tính cách nên hai bên thường xuyên cự cãi nhau làm tổn thương nhau. Năm 2017, bà H phát hiện ông H1 không chung thủy, có khuyên ngăn nhưng ông H1 vẫn

không thay đổi. Năm 2019 cho đến nay, bà H và ông H1 không còn sống chung với nhau nữa. Nay bà H xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông H1 nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận hôn nhân giữa bà H với ông H1 để rõ ràng về mặt pháp lý, sớm ổn định cuộc sống mới.

Về con chung: Có 02 con chung tên L T T, sinh ngày 18/10/1991 và L T N D, sinh ngày 25/10/2004. L T T đã trưởng thành. Bà H xin trực tiếp nuôi dưỡng trẻ D và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa, bà P T H có đơn xin vắng mặt tại tòa ngày 14/5/2021.**

***Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, phía bị đơn là ông L V H1 trình bày:**

Ngày 12/3/2021, ông H1 trình bày: ông H1 và bà H có tìm hiểu, yêu thương nhau, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh (UBND Phường 8, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh). Tuy nhiên, ông không cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn.

Tại các buổi hòa giải và ghi nhận ý kiến ngày 05/4/2021 và ngày 16/4/2021, ông H1 xác nhận ông và bà H không có đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như những lời trình bày nêu trên của bà H là đúng. Ông H1 đồng ý với yêu cầu của bà H về việc không công nhận vợ chồng giữa ông với bà H và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H1và bà H.

Về con chung: Có 02 con chung tên L T T, sinh ngày 18/10/1991 và L T N D, sinh ngày 25/10/2004. L T T đã trưởng thành. Ông H1 đồng ý giao trẻ D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi trẻ D.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa, bị đơn ông L V H1 có đơn xin vắng mặt ngày 21/5/2021.**

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 về việc giải quyết vụ án như sau:

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng trình tự tố tụng của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân Quận 11 còn một số sai sót về thời gian giao các văn bản tố tụng và thời hạn xét xử.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định của khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà P T H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận hôn nhân giữa bà H với ông H1. Bà H và ông H1 sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Đồng thời, trong quá trình chung sống giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn. Vì vậy, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về con chung, L T T đã trưởng thành. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ D và không yêu cầu ông H1cấp dưỡng nuôi trẻ D, từ khi ly thân đến nay trẻ D ở cùng mẹ. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao trẻ D cho bà H được trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

Bà P T H khởi kiện Tòa án giải quyết không công nhận hôn nhân giữa bà H với ông L V H1. Tại thời điểm bà H khởi kiện thì ông H1 đang cư trú tại Quận 11. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11.

Bà P T H và ông L V H1 đều có đơn xin vắng mặt tại tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà P T H khởi kiện Tòa án giải quyết không công nhận hôn nhân giữa bà H với ông H1 với lý do vợ chồng ông bà có tìm hiểu nhau, tiến tới tổ chức đám cưới nhưng không đăng ký kết hôn trong một thời gian dài chung sống. Trong quá trình chung sống hai bên không cùng quan điểm sống, không hòa hợp về vấn đề tình cảm, thường xuyên cự cãi nhau làm tổn thương nhau. Việc bà H và ông H1 không thực hiện các quy định của pháp luật khi chung sống với nhau mà không đăng ký kết hôn tại cơ quan chức năng có thẩm quyền là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình. Theo văn bản xác nhận về việc không lưu trữ Sổ đăng ký kết hôn số 44/XN-PTP ngày 19/7/2019 của Phòng tư pháp huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: "*...Hiện nay, Phòng Tư pháp huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xác nhận không lưu trữ Sổ đăng ký kết hôn đối với Giấy kết hôn họ, chữ đệm, tên: P T H, giới*

*tính: Nữ, sinh năm 1968 với ông L V H1, giới tính Nam, sinh năm 1969 do UBND xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh cấp năm 2002..*". Xét đơn khởi kiện của bà H yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông L V H1 là có cơ sở. Căn cứ theo Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về yêu cầu giải quyết nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 con chung tên L T T, sinh ngày 18/10/1991 và L T N D, sinh ngày 25/10/2004. L T T đã trưởng thành..

Do trẻ D chưa thành niên hiện nay đang sống chung với bà H nên bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng, ông H1 cũng đồng ý về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Nhận thấy, bà H hiện đang là người trực tiếp nuôi dưỡng trẻ D và có việc làm, thu nhập ổn định, việc bà H yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho bà H nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện kinh tế của bà H, phù hợp với điều kiện phát triển bình thường của trẻ, tránh việc thay đổi cuộc sống sinh hoạt, học tập của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Xét ý kiến của bị đơn:

Bị đơn ông L V H1 xác nhận lời trình bày của bà H về thời điểm chung sống, diễn biến quan hệ hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng như bà H trình bày. Bà P T H và ông L V H1 chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và không đăng ký kết hôn. Ông H1 cũng đồng ý yêu cầu của bà H về việc không công nhận vợ chồng giữa ông với bà H và yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông H1 và bà H. Về con chung: Có 02 con chung tên L T T, sinh ngày 18/10/1991 và L T N D, sinh ngày 25/10/2004. L T T đã trưởng thành. Ông H1 đồng ý giao trẻ D cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi trẻ D. Tại phiên tòa ông H1 có đơn xin vắng mặt và xin giữ nguyên ý kiến trình bày tại các buổi hòa giải tại tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để chấp nhận yêu cầu của ông H1.

[4]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H và ông L V H1 giao con chung là L T N D, sinh ngày 25/10/2004 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 là có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P T Hchịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 9, 14, 16 ,58, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P T H.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà P T H và ông L V H1.

Về con chung: L T T, sinh ngày 18/10/1991 đã trưởng thành. Giao cho bà P T H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là L T N D, sinh ngày 25/10/2004. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông H1cấp dưỡng nuôi con.

Ông H1 được quyền thăm nom con, không ai được cản trở ông H1 thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc theo yêu cầu của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

Bà P T H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0015963 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Bà P T H đã nộp đủ tiền án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản

án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THAHNGĐ Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hiếu Thuận**